

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**  
*cho năm tài chính 2016*  
*kèm theo*  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 974 5081/82 Fax: (04) 974 5083

*Hà Nội, tháng 03 năm 2017*

# TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

---

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
Báo cáo Kiểm toán độc lập	06 - 07
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016	08 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2016	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016	14 - 44
Phụ lục 01: Bảng xác định lợi ích của cổ đông không kiểm soát	45

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (gọi tắt là " Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

**Hội đồng quản trị:**

- |                        |  |
|------------------------|--|
| - Ông Trương Hữu Trung | Chủ tịch HĐQT                                |
| - Ông Nguyễn Huy Hùng  | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 23/07/2016)   |
| - Ông Dương Tất Thắng  | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 23/07/2016) |
| - Bà Nguyễn Thị Hà     | Thành viên HĐQT                              |
| - Ông Nguyễn Văn Bình  | Thành viên HĐQT                              |
| - Ông Võ Văn Lưu       | Thành viên HĐQT                              |

**Ban Tổng Giám đốc:**

- |                        |  |
|------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Huy Hùng  | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/06/2016)   |
| - Ông Dương Tất Thắng  | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/06/2016) |
| - Bà Nguyễn Thị Hà     | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng      |
| - Ông Nguyễn Văn Bình  | Phó Tổng Giám đốc                          |
| - Ông Võ Văn Lưu       | Phó Tổng Giám đốc                          |
| - Ông Lê Viết Thảo     | Phó Tổng Giám đốc                          |
| - Ông Nguyễn Đình Toàn | Phó Tổng Giám đốc                          |

**Ban Kiểm soát:**

- |                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| - Ông Phùng Văn Tân      | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Đào Anh Dũng       | Thành viên           |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên           |

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/04/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013. Theo đó:

- Vốn điều lệ : 1.320.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng*).
- Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh thành Công ty Cổ phần, theo đó: Vốn điều lệ là 1.320.000.000.000 đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó:

Cổ phần Nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ.

**Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2016 (đơn vị tính: đồng)**

Nội dung	Số tiền theo Quyết định số 463/QĐ-UBND	Số vốn thực góp	Số vốn còn góp thiếu
Vốn Nhà nước	1.095.600.000.000	1.072.153.914.618	23.446.085.382
Vốn của các cổ đông	28.982.000.000	28.982.000.000	-

Cổ đông chiến lược	195.418.000.000		195.418.000.000
Tổng cộng	1.320.000.000.000	1.101.135.914.618	218.864.085.382

TT	Các Công ty con của Tổng Công ty	Trụ sở
1	Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Thôn Hòa Thịnh, Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
3	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60,64%.	Khu Công nghiệp Hạ vàng, Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 65%.	Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
5	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 56,04%.	Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
6	Công ty TNHH Việt Lào, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Bản Bưng Houana - Xebangfay -Khawmmouane - Lào.
7	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 51,28%.	Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
8	Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 52,55%.	Số 450 đường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
9	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 58,70%.	Xóm 10, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh.
10	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 73%.	Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
11	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 63,83%.	Tổ 12 Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.
12	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 75%.	Thị trấn Thiêm Cẩm, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.
13	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60%.	Xã Kỳ Phương, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
14	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 91,85%.	Xóm 4, Xã Xuân Lĩnh, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh.
15	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 53%.	Xã Kỳ Lợi, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
16	Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Xã Kỳ Trinh, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
17	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 50,95%.	Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:**

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: Sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng: điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, giày, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê, xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao, sản xuất và kinh doanh giống cây ăn quả, sản xuất và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: Dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế.

Tổng Công ty có trụ sở tại: Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

**Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

**Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2016 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 08 đến trang 45.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.
- Tài sản mà Tổng Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổng Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tổng Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính 2016;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016;
- Chúng tôi khẳng định rằng Tổng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

**Thay mặt và đại diện**

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**



Nguyễn Huy Hùng  
Tổng giám đốc

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>703.074.933.454</b>	<b>884.832.870.464</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>76.627.547.188</b>	<b>115.862.529.294</b>
1. Tiền	111		73.452.606.988	98.603.755.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.174.940.200	17.258.773.728
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.11a</b>	<b>83.419.094.809</b>	<b>181.281.755.920</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		100.000.000	181.281.755.920
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		83.319.094.809	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>169.030.431.078</b>	<b>211.183.596.297</b>
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	<b>V.2</b>	122.766.714.679	80.342.115.276
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3</b>	30.732.126.636	57.354.130.450
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.4a</b>	33.865.015.520	84.604.846.909
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137		(18.334.634.843)	(11.118.146.338)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.209.086	650.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>343.837.788.682</b>	<b>342.869.389.582</b>
1. Hàng tồn kho	141		353.352.793.965	351.592.894.753
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.515.005.283)	(8.723.505.171)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.160.071.697</b>	<b>33.635.599.371</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.12a</b>	13.898.318.543	11.869.257.118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<b>V.6</b>	11.330.243.948	17.401.179.293
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	<b>V.7</b>	4.931.509.206	4.365.162.960
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.449.776.588.818</b>	<b>1.361.791.388.806</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.850.112.643</b>	<b>1.398.492.500</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.584.332.643	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.4b</b>	1.265.780.000	1.398.492.500
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>850.378.205.623</b>	<b>869.117.789.269</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.8</b>	832.910.771.245	852.546.265.036
- Nguyên giá	222		1.444.036.441.173	1.390.702.864.871
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(611.125.669.928)	(538.156.599.835)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.9</b>	17.467.434.378	16.571.524.233
- Nguyên giá	228		25.547.137.191	23.332.715.191
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.079.702.813)	(6.761.190.958)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>254.543.968.426</b>	<b>153.892.500.117</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>V.10</b>	254.543.968.426	153.892.500.117

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11b</b>	<b>232.229.438.500</b>	<b>237.881.627.800</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	253		237.881.627.800	237.814.088.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT DH (*)	254		(5.652.189.300)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	67.539.300
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>108.774.863.626</b>	<b>99.500.979.120</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.12b</b>	92.151.558.326	82.399.347.039
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.050.730.925	5.050.730.925
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.300.000.000	10.360.500.000
4. Lợi thế thương mại	269	<b>V.13</b>	1.272.574.375	1.690.401.156
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.152.851.522.272</b>	<b>2.246.624.259.270</b>





Số: 104/2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016  
của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP*

Kính gửi:

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP, được lập ngày 06/03/2017, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP cho năm tài chính 2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt và 05 bản tiếng Anh, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP giữ 04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh.

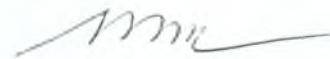
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)



Giấy CNĐKHNKT số: 1082-2013-016-1

Kiểm toán viên



Đặng Ngọc Phấn

Giấy CNĐKHNKT số: 2549-2013-016-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>700.074.798.836</b>	<b>724.521.308.014</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>446.235.818.474</b>	<b>488.556.249.874</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	98.753.557.665	114.267.447.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	15.613.705.933	38.198.945.596
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	19.995.428.062	17.092.913.048
4. Phải trả người lao động	314		32.194.314.352	38.827.379.819
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	15.916.170.328	15.563.606.844
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.639.343.637	21.818.186
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	34.934.985.460	37.903.445.017
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	209.715.301.052	206.996.246.269
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.200.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.473.011.985	16.484.447.917
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>253.838.980.362</b>	<b>235.965.058.140</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	78.927.000	78.927.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15b	-	26.160.000
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		19.105.407.909	21.062.868.493
4. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	731.787.678	731.787.678
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	233.736.576.491	213.378.111.407
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		186.281.284	687.203.562
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.452.776.723.436</b>	<b>1.522.102.951.256</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>1.346.498.898.036</b>	<b>1.374.940.229.856</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.087.089.965	3.585.620.464
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(40.728.290)	(40.728.290)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.227.869.549	21.460.648.858
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.573.341.792	23.672.044.296
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(58.749.609.308)	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		63.322.951.100	23.672.044.296
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	PL01	212.515.410.402	225.126.729.910

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	106.277.825.400	147.162.721.400
I. Nguồn kinh phí Dự án	431	106.277.825.400	147.162.721.400
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>2.152.851.522.272</b>	<b>2.246.624.259.270</b>

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Bùi Văn Minh

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Huy Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính 2016


Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.339.562.843.854	1.307.625.774.903
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.080.988.478	2.921.285.234
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>10</b>	<b>VI.3</b>	<b>1.334.481.855.376</b>	<b>1.304.704.489.669</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.204.132.915.501	1.108.854.991.494
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>130.348.939.875</b>	<b>195.849.498.175</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	10.184.992.529	89.655.024.202
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	38.347.454.729	41.295.020.507
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.001.289.061	28.812.861.396
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	54.098.238.482	61.190.916.274
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	78.426.444.929	82.425.696.563
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(30.338.205.736)</b>	<b>100.592.889.033</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	72.566.157.842	64.742.278.971
12.	Chi phí khác	32	VI.10	2.454.950.711	5.230.953.361
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>70.111.207.131</b>	<b>59.511.325.610</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>39.773.001.395</b>	<b>160.104.214.643</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	17.664.872.038	30.452.114.378
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(500.922.278)	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>22.609.051.635</b>	<b>129.652.100.265</b>
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		25.890.650.728	42.399.468.364
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(3.281.599.093)	87.252.631.901
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	205	792
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Bùi Văn Minh

Nguyễn Thị Hà



(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.468.064.305.738	1.340.480.170.357
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(1.077.938.122.468)	(830.089.795.844)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(162.260.876.960)	(215.572.896.411)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(34.104.394.242)	(34.179.378.472)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(16.369.496.562)	(26.991.679.939)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	64.053.767.098	282.224.651.956
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(277.090.682.075)	(270.773.366.265)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(35.645.499.471)</b>	<b>245.097.705.382</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(43.504.225.528)	(97.930.781.309)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.881.187.364	1.739.746.250
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(203.800.000.000)	(221.827.693.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	272.122.620.220	309.550.355.088
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	76.070.705
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.313.472.965	9.079.997.656
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>75.013.055.021</b>	<b>687.694.990</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.000.000.000	3.995.531.233
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hành	32	-	928.517.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	649.826.122.860	350.943.217.654
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(648.825.747.602)	(491.480.886.382)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(1.551.183.564)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.430.841.664)	(71.444.578.953)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(79.430.466.406)</b>	<b>(208.609.383.012)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(40.062.910.856)</b>	<b>37.176.017.360</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>114.340.133.081</b>	<b>78.140.502.109</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	947.542.464	546.009.825
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>75.224.764.689</b>	<b>115.862.529.294</b>

Người lập biểu

*Bùi Văn Minh*

Bùi Văn Minh

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Hà*

Nguyễn Thị Hà

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



*Nguyễn Huy Hùng*

Nguyễn Huy Hùng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính 2016

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/04/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 1.320.000.000.000 đồng (*Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng*).

Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh thành Công ty Cổ phần, theo đó: Vốn điều lệ là 1.320.000.000.000 đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó:

Cổ phần Nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau quả;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: Sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng: điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, giày, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê, xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao, sản xuất và kinh doanh giống cây ăn quả, sản xuất và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: Dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế.
- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn**

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

II. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. **Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.



**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**3. Trình tự và phương pháp hợp nhất**

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có);

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông không kiểm soát thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Tổng Công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

*Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:*

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;  
 Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;  
 Lợi ích cổ đông không kiểm soát;  
 Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:**

- 4.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 4.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

- 5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền  
 Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.
- 5.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:  
 Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.  
 Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.  
 Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- 6.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.
- 6.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.  
 Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

- 7.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:  
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

300  
TỔ  
KH  
TH  
H

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

7.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

*30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.*

*50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.*

*70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.*

*100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.*

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

8.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

8.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền).

8.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

8.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

9.1 Nguyên tắc ghi nhận:

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

9.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10 năm
Máy móc thiết bị	03 - 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật	05 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm vi tính	02 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 10 năm

**10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
  - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
  - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
  - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

13.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

**14. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xuất khẩu khoáng sản, doanh thu bán súc vật, cây trồng,... và doanh thu hoạt động tài chính.

15.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

15.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

#### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.808.967.396	12.115.061.848
Tiền gửi Ngân hàng	64.643.639.592	86.488.693.025
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	3.174.940.200	17.258.774.421
<b>Cộng</b>	<b>76.627.547.188</b>	<b>115.862.529.294</b>
2. Phải thu ngắn hạn khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	57.076.206.965	27.672.694.870
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	3.330.371.600	3.005.442.665
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	24.106.660	24.106.660
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	15.270.097.251	9.873.347.504
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	4.836.681.486	979.756.000
Công ty CP Gạch ngói và Vật liệu XD Đồng Nai - Hà Tĩnh	5.060.147.214	4.716.345.150
Công ty TNHH Việt Lào	14.810.905.908	7.944.725.108
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.815.048.007	129.793.612
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.037.256.477	200.929.250
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	834.152.714	573.230.401
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	8.119.831.475	6.215.496.278
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	731.906.012	652.737.012
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	319.693.442	739.708.756
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.251.061.481	2.887.189.438
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	832.945.649	1.243.346.148
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	5.465.080.960	503.811.598

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	958.766.780	566.672.733
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	992.454.598	12.412.782.093
<b>Cộng</b>	<b>122.766.714.679</b>	<b>80.342.115.276</b>
<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty mẹ	13.608.045.407	14.507.458.656
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	216.090.489	196.248.889
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	7.411.215.096	7.911.191.263
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	2.731.544.700	335.143.012
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	447.561.786	551.906.786
Công ty CP Gạch ngói và Vật liệu XD Đồng Nai - Hà Tĩnh	155.347.091	195.472.981
Công ty TNHH Việt Lào	-	3.526.604.559
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.001.056.331	4.794.257.079
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	22.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	1.176.618.717	20.983.500.899
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	108.359.804	70.858.549
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	533.615.337	298.835.053
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	6.505.065	224
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	2.691.939.613	3.136.424.201
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	504.882.800	846.228.299
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	87.344.400	-
<b>Cộng</b>	<b>30.732.126.636</b>	<b>57.354.130.450</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

4. Phải thu ngắn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>33.865.015.520</b>	-	<b>84.604.846.909</b>	-
Công ty mẹ	13.285.462.586	-	11.941.539.708	-
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	75.871.251	-	204.344.415	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	1.882.392.944	-	5.864.319.627	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	3.609.951.779	-	3.888.724.736	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	297.091.000	-	250.241.000	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	298.392.147	-	293.685.683	-
Công ty TNHH Việt Lào	3.900.817.403	-	14.827.906.463	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.619.952.660	-	9.051.987.173	-
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	477.475.316	-	856.526.363	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	3.202.053.373	-	2.196.765.011	-
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	428.851.833	-	483.056.761	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	157.664.616	-	193.610.987	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	568.441.604	-	1.123.393.956	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.517.693.732	-	1.591.912.180	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	340.471.706	-	346.747.866	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1.102.503.221	-	30.583.742.742	-
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	1.092.864.349	-	894.585.238	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	7.064.000	-	11.757.000	-
<i>b. Dài hạn</i>	<b>1.265.780.000</b>	-	<b>1.398.492.500</b>	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	1.265.780.000	-	1.398.492.500	-
<b>Cộng</b>	<b>35.130.795.520</b>	-	<b>86.003.339.409</b>	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính 2016

5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	57.257.640.674	-	65.238.543.902	
Công cụ, dụng cụ	3.727.172.196	(51.237.184)	3.119.643.380	(51.237.184)
Chi phí SX, KD dở dang	148.557.303.762	-	134.097.530.520	
Thành phẩm	128.030.454.941	(9.415.836.132)	133.792.489.936	(8.530.461.103)
Hàng hoá	15.780.222.392	(47.931.967)	15.344.687.015	(141.806.884)
<b>Cộng</b>	<b>353.352.793.965</b>	<b>(9.515.005.283)</b>	<b>351.592.894.753</b>	<b>(8.723.505.171)</b>

6. Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	1.791.315.162	7.859.941.929
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	715.491.615	501.704.767
Công ty TNHH Việt Lào	-	1.041.200.981
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.615.233.065	-
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	-	805.529.680
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	817.791.697	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	65.426.652	-
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	-	308.479.155
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	6.324.985.757	6.884.322.781
<b>Cộng</b>	<b>11.330.243.948</b>	<b>17.401.179.293</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016**7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Công ty mẹ	9.741.025	7.121.019.408	8.393.339.707	1.282.061.324
<i>Thuế GTGT phải nộp</i>	435.882	-	-	435.882
<i>Thuế xuất nhập khẩu</i>	9.304.213	7.121.018.478	8.393.338.479	1.281.624.214
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	930	930	-	-
<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	-	-	1.228	1.228
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	35.426.982	2.100.000.000	2.682.306.000	617.732.982
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	3.885.878.003	8.886.164.358	7.611.778.825	2.611.492.470
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	36.000.000	133.889.728	97.889.728	-
Công ty TNHH Việt Lào	260.851.643	-	-	260.851.643
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	-	40.607.991	40.607.991
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	136.579.218	564.992.636	546.490.125	118.076.707
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	686.089	-	-	686.089
<b>Cộng</b>	<b>4.365.162.960</b>	<b>18.806.066.130</b>	<b>19.372.412.376</b>	<b>4.931.509.206</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn cây lâu năm, súc vật	TSCĐ khác	Cây trồng, vật nuôi	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>								
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>847.516.166.967</i>	<i>421.253.215.076</i>	<i>79.114.416.727</i>	<i>8.350.822.988</i>	<i>64.000.000</i>	<i>32.805.396.520</i>	<i>1.598.846.593</i>	<i>1.390.702.864.871</i>
- Mua trong năm	8.038.075.383	26.652.652.092	381.387.200	75.263.636	684.113.147	73.221.000	-	35.904.712.458
- XDCB hoàn thành	38.121.928.087	682.507.635	3.153.812.150	-	-	-	-	41.958.247.872
- Tăng khác	391.109.246	756.984.629	1.790.406.555	2.166.651	28.594.737.843	-	-	31.535.404.924
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	1.211.766.431	9.285.810.399	3.804.804.875	40.000.000	7.727.897.401	-	-	22.070.279.106
- Giảm khác	3.059.872.751	1.810.344.644	480.783.811	-	48.770.807	26.995.891.240	1.598.846.593	33.994.509.846
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>889.795.640.501</i>	<i>438.249.204.389</i>	<i>80.154.433.946</i>	<i>8.388.253.275</i>	<i>21.566.182.782</i>	<i>5.882.726.280</i>	<i>-</i>	<i>1.444.036.441.173</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>270.150.043.906</i>	<i>206.859.199.905</i>	<i>50.049.003.203</i>	<i>4.033.562.072</i>	<i>24.888.893</i>	<i>5.548.944.153</i>	<i>1.490.957.703</i>	<i>538.156.599.835</i>
- Khấu hao trong năm	45.280.204.115	33.085.002.091	7.017.797.910	729.244.361	3.500.921.588	517.951.995	-	90.131.122.060
- Tăng khác	46.860.144	282.428.440	410.398.520	-	3.452.813.340	203.429.818	-	4.395.930.262
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	1.188.263.338	8.958.220.551	3.600.328.360	40.000.000	2.659.122.551	-	-	16.445.934.800
- Giảm khác	712.052.933	416.833.588	326.288.440	-	4.064.234	2.161.850.531	1.490.957.703	5.112.047.429
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>313.576.791.894</i>	<i>230.851.576.297</i>	<i>53.550.582.833</i>	<i>4.722.806.433</i>	<i>4.315.437.036</i>	<i>4.108.475.435</i>	<i>-</i>	<i>611.125.669.928</i>
<b>Giá trị còn lại</b>								
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>577.366.123.061</i>	<i>214.394.015.171</i>	<i>29.065.413.524</i>	<i>4.317.260.916</i>	<i>39.111.107</i>	<i>27.256.452.367</i>	<i>107.888.890</i>	<i>852.546.265.036</i>
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>576.218.848.607</i>	<i>207.397.628.092</i>	<i>26.603.851.113</i>	<i>3.665.446.842</i>	<i>17.250.745.746</i>	<i>1.774.250.845</i>	<i>-</i>	<i>832.910.771.245</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính 2016

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>17.432.842.944</i>	<i>1.654.706.290</i>	-	<i>4.245.165.957</i>	<i>23.332.715.191</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	2.214.422.000	144.000.000	-	-	2.358.422.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	144.000.000	-	-	-	144.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>19.503.264.944</i>	<i>1.798.706.290</i>	-	<i>4.245.165.957</i>	<i>25.547.137.191</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.563.728.360</i>	<i>1.532.206.290</i>	-	<i>1.665.256.308</i>	<i>6.761.190.958</i>
- Khấu hao trong năm	918.995.259	95.000.000	-	304.516.596	1.318.511.855
- Tăng khác	-	144.000.000	-	-	144.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	144.000.000	-	-	-	144.000.000
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>4.338.723.619</i>	<i>1.771.206.290</i>	-	<i>1.969.772.904</i>	<i>8.079.702.813</i>
<b>Giá trị còn lại</b>					
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>13.869.114.584</i>	<i>122.500.000</i>	-	<i>2.579.909.649</i>	<i>16.571.524.233</i>
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>15.164.541.325</i>	<i>27.500.000</i>	-	<i>2.275.393.053</i>	<i>17.467.434.378</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty mẹ	202.187.101.576	202.187.101.576	128.314.818.973	128.314.818.973
Mua sắm tài sản cố định	5.757.544.966	5.757.544.966	-	-
Xây dựng cơ bản	196.429.556.610	196.429.556.610	128.314.818.973	128.314.818.973
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	2.645.212.512	2.645.212.512	-	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	800.000.000	800.000.000	24.132.111	24.132.111
Công ty TNHH Việt Lào	25.670.167.271	25.670.167.271	4.748.335.015	4.748.335.015
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	-	409.221.001	409.221.001
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	-	-	1.884.200.517	1.884.200.517
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	6.403.250	6.403.250	6.403.250	6.403.250
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	-	-	11.000.000	11.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	9.503.742.364	9.503.742.364	9.846.850.132	9.846.850.132
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	-	-	1.780.654.463	1.780.654.463
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	13.559.411.453	13.559.411.453	6.694.954.655	6.694.954.655
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	171.930.000	171.930.000	171.930.000	171.930.000
<b>Cộng</b>	<b>254.543.968.426</b>	<b>254.543.968.426</b>	<b>153.892.500.117</b>	<b>153.892.500.117</b>

11. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn	83.419.094.809	-	181.281.755.920	-
<i>Chứng khoán đầu tư ngắn hạn</i>	<i>100.000.000</i>	-	<i>100.000.000</i>	-
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	<i>83.319.094.809</i>	-	<i>181.181.755.920</i>	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	500.000.000	-	4.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	226.205.920	-	226.205.920	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	82.592.888.889	-	176.755.550.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
<b>b. Dài hạn</b>		<b>232.229.438.500</b>		<b>237.881.627.800</b>
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		<i>237.881.627.800</i>		<i>237.814.088.500</i>
Công ty Cổ phần Đioxit Titan Việt Nam	67.500	675.000.000	67.500	675.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (*)	5.640.000	56.400.000.000	5.640.000	56.400.000.000
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (**)	-	179.659.088.500	-	179.659.088.500
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Phát Mitraco	108.000	1.080.000.000	108.000	1.080.000.000
Đầu tư dài hạn khác		67.539.300		-
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn</i>		<i>(5.652.189.300)</i>		<i>-</i>
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		<i>-</i>		<i>67.539.300</i>
<b>Cộng</b>		<b>315.648.533.309</b>		<b>419.163.383.720</b>

(\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn với số tiền: 56.400.000.000 đồng (5.640.000 CP) chiếm 19,8% vốn điều lệ.

(\*\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê với số tiền: 179.659.088.500 đồng trong tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê: 2.400.000.000.000 đồng chiếm 7,49% vốn điều lệ.

**12. Chi phí trả trước**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.898.318.543</b>	<b>11.869.257.118</b>
Công ty mẹ	6.856.986.338	3.596.475.687
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	164.000.584	220.144.309
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	94.305.328	84.862.500
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	-	298.490.001
Công ty TNHH Việt Lào	5.375.622.732	3.786.899.013
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	243.331.416	465.915.418
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	244.111.159	109.569.613
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	26.054.044	51.246.687
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	57.000.000	122.830.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	15.102.501	535.017.676
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	17.254.437	35.975.437

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B09a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính 2016

Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	-	1.801.482.340
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	166.652.921	173.061.467
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	637.897.083	587.286.970
<b>b. Dài hạn</b>	<b>92.151.558.326</b>	<b>82.399.347.039</b>
Công ty mẹ	3.191.321.038	3.764.825.462
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	741.456.094	858.580.741
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	186.671.898	126.920.159
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	252.319.197	1.435.364.750
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.556.106.244	1.556.106.244
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	664.180.319	518.529.259
Công ty TNHH Việt Lào	1.731.823.305	3.029.275.232
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	38.730.335.715	24.798.986.482
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.135.630.026	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	26.179.249.017	27.582.628.756
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	302.825.213	622.238.208
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	40.000.000	95.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	900.558.553	669.751.673
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	155.109.199	857.443.416
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	363.143.511	804.438.003
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	6.342.271.206	5.257.164.952
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	9.450.547.791	10.030.903.829
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	228.010.000	391.189.873
<b>Cộng</b>	<b>106.049.876.869</b>	<b>94.268.604.157</b>
<b>13. Lợi thế thương mại</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lợi thế thương mại phát sinh sau khi đánh giá lại vốn góp vào Công ty con	2.112.378.851	2.320.254.498
Số lợi thế thương mại phân bổ các năm trước	629.853.342	419.902.228

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B09a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

cho năm tài chính 2016

		<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Số lợi thế thương mại phân bổ năm nay			209.951.114		209.951.114
Số lợi thế thương mại cuối năm			<u>1.272.574.375</u>		<u>1.690.401.156</u>
<b>14. Phải trả người bán</b>					
<i>a. Ngắn hạn</i>		<i>98.753.557.665</i>	<i>98.753.557.665</i>	<i>114.267.447.178</i>	<i>114.267.447.178</i>
Công ty mẹ		12.018.636.583	12.018.636.583	18.496.455.430	18.496.455.430
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco		5.322.914.425	5.322.914.425	6.412.875.500	6.412.875.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco		15.942.787.451	15.942.787.451	9.357.607.441	9.357.607.441
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc		7.998.811.361	7.998.811.361	7.171.137.372	7.171.137.372
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng		3.910.327.867	3.910.327.867	1.020.800.735	1.020.800.735
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh		3.412.511.101	3.412.511.101	1.405.867.899	1.405.867.899
Công ty TNHH Việt Lào		30.150.028.725	30.150.028.725	24.144.098.563	24.144.098.563
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco		9.729.448.321	9.729.448.321	4.606.182.950	4.606.182.950
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh		1.790.772.533	1.790.772.533	847.521.726	847.521.726
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh		1.763.409.241	1.763.409.241	2.380.482.405	2.380.482.405
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco		495.933.971	495.933.971	1.172.758.540	1.172.758.540
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco		906.554.475	906.554.475	767.022.589	767.022.589
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2		29.675.071	29.675.071	117.440.961	117.440.961
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh		1.091.228.732	1.091.228.732	913.652.388	913.652.388
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê		450.781.161	450.781.161	861.941.661	861.941.661
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào		3.266.843.514	3.266.843.514	33.962.011.738	33.962.011.738
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco		97.769.300	97.769.300	5.365.000	5.365.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan		375.123.833	375.123.833	624.224.280	624.224.280
<i>b. Dài hạn</i>		<i>78.927.000</i>	<i>78.927.000</i>	<i>78.927.000</i>	<i>78.927.000</i>
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2		78.927.000	78.927.000	78.927.000	78.927.000
<b>Cộng</b>		<b>98.832.484.665</b>	<b>98.832.484.665</b>	<b>114.346.374.178</b>	<b>114.346.374.178</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

15. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>15.613.705.933</i>	<i>38.198.945.596</i>
Công ty mẹ	5.412.455.907	2.174.674.942
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	24.713.250	44.415.750
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	-	15.918.928.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	335.564.914	88.419.157
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.525.790.611	1.691.750.992
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	-	148.701.163
Công ty TNHH Việt Lào	-	1.878.856.112
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	22.413.620	6.936.843.995
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	235.380.480	1.814.876.738
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	97.330.100	512.184.091
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	891.062.275	658.572.819
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	5.969.695.625	5.223.407.944
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	47.454.121	4.048.121
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	423.597.919	64.300.400
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	14.358.001	5.834.000
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	208.857.370	571.819.617
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	1.726.205	58.006.220
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	403.305.535	403.305.535
<i>b. Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>26.160.000</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	-	26.160.000
<b>Cộng</b>	<b>15.613.705.933</b>	<b>38.225.105.596</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Công ty mẹ	817.075.621	7.210.309.573	6.487.107.475	1.540.277.719
<i>Thuế Thu nhập cá nhân</i>	<i>106.609.020</i>	<i>150.157.600</i>	<i>197.416.020</i>	<i>59.350.609</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>-</i>	<i>36.633.748</i>	<i>-</i>	<i>36.633.748</i>
<i>Thuế tài nguyên và phí môi trường</i>	<i>467.381.601</i>	<i>3.379.763.400</i>	<i>2.926.764.210</i>	<i>920.380.791</i>
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	<i>243.085.000</i>	<i>2.053.753.320</i>	<i>1.772.925.740</i>	<i>523.912.589</i>
<i>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</i>	<i>-</i>	<i>1.040.676.005</i>	<i>1.040.676.005</i>	<i>-</i>
<i>Các loại thuế khác</i>	<i>-</i>	<i>549.325.500</i>	<i>549.325.500</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	3.727.268	103.615.132	106.111.132	1.231.268
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	703.542.008	518.259.117	793.508.731	428.292.394
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	662.922.670	1.631.984.949	1.887.969.766	406.937.853
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.041.114.404	664.810.292	555.627.571	1.150.297.125
Công ty TNHH Việt Lào	3.981.062.767	9.637.194.085	8.278.503.389	5.339.753.463
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	301.095.341	2.839.625.090	2.327.935.916	812.784.515
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	720.000	684.351.499	683.631.499	1.440.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	185.227.035	32.953.331	185.238.035	32.942.331
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	335.452.955	91.075.805	298.467.637	128.061.123
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	182.494.979	1.073.276.348	1.048.866.419	206.904.908
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	44.012.500	-	44.000.000	12.500
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	3.964.173.515	3.612.818.899	1.817.909.694	5.759.082.720
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	1.170.891.458	148.760.788	3.000.000	1.316.652.246
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	3.053.839.845	9.925.283.049	10.983.335.949	1.995.786.945
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	563.024.652	438.037.248	457.987.507	543.074.393
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	82.536.030	427.630.969	178.270.440	331.896.559
<b>Cộng</b>	<b>17.092.913.048</b>	<b>39.039.986.174</b>	<b>36.137.471.160</b>	<b>19.995.428.062</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính 2016

17. Chi phí phải trả	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty mẹ		222.790.797		222.790.797
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc		41.789.068		53.932.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh		11.474.203.987		11.755.816.556
Công ty TNHH Việt Lào		3.741.980.090		3.290.193.735
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2		21.527.215		15.481.000
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào		413.879.171		225.392.756
<b>Cộng</b>		<b>15.916.170.328</b>		<b>15.563.606.844</b>

18. Phải trả khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>34.934.985.460</b>	<b>34.934.985.460</b>	<b>37.903.445.017</b>	<b>37.903.445.017</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-	13.563.971	13.563.971
Kinh phí công đoàn	687.302.353	687.302.353	603.431.149	603.431.149
Bảo hiểm xã hội	3.431.764.071	3.431.764.071	2.109.701.179	2.109.701.179
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	62.681.222	62.681.222
Phải trả, phải nộp khác	30.815.919.036	30.815.919.036	35.114.067.496	35.114.067.496
Công ty mẹ	20.205.412.233	20.205.412.233	20.258.861.833	20.258.861.833
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	-	-	9.800.000	9.800.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	40.440.000	40.440.000	41.918.000	41.918.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	2.599.801.839	2.599.801.839	2.491.866.860	2.491.866.860
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	68.215.000	68.215.000	14.365.000	14.365.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	238.794	238.794	238.794	238.794
Công ty TNHH Việt Lào	13.992.800	13.992.800	4.100.000	4.100.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	234.699.243	234.699.243	3.630.703.000	3.630.703.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B09a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

cho năm tài chính 2016

Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	92.505.324	92.505.324	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	56.717.772	56.717.772	3.024.300.000	3.024.300.000
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	84.865.925	84.865.925	68.665.925	68.665.925
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	-	-	1.100.000	1.100.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	717.771.563	717.771.563	349.090.564	349.090.564
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	32.935.832	32.935.832	1.874.053.415	1.874.053.415
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	50.962.656	50.962.656	70.234.000	70.234.000
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	521.757.156	521.757.156	429.722.275	429.722.275
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	310.601.000	310.601.000	176.033.000	176.033.000
Phải trả khác	5.785.001.899	5.785.001.899	2.669.014.830	2.669.014.830
<b>b. Dài hạn</b>	<b>731.787.678</b>	<b>731.787.678</b>	<b>731.787.678</b>	<b>731.787.678</b>
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	731.787.678	731.787.678	731.787.678	731.787.678
<b>Cộng</b>	<b>35.666.773.138</b>	<b>35.666.773.138</b>	<b>38.635.232.695</b>	<b>38.635.232.695</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

|| 2016 ||

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính 2016

19.	Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	209.715.301.052	209.715.301.052	623.442.664.298	620.723.609.515	206.996.246.269	206.996.246.269
	Công ty mẹ	82.601.806.041	82.601.806.041	200.430.920.468	226.274.923.991	108.445.809.564	108.445.809.564
	Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	250.000.000	250.000.000	350.000.000	100.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	32.853.426.315	32.853.426.315	142.295.530.588	135.793.795.520	26.351.691.247	26.351.691.247
	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	300.000.000	300.000.000	1.740.000.000	2.508.286.000	1.068.286.000	1.068.286.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	4.503.757.174	4.503.757.174	-	150.000.000	4.653.757.174	4.653.757.174
	Công ty TNHH Việt Lào	33.522.694.710	33.522.694.710	77.328.062.138	68.804.273.404	24.998.905.976	24.998.905.976
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	24.000.000.000	24.000.000.000	45.804.000.000	36.984.000.000	15.180.000.000	15.180.000.000
	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	17.890.000.000	17.890.000.000	96.610.000.000	91.920.000.000	13.200.000.000	13.200.000.000
	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	9.979.904.015	9.979.904.015	51.199.798.415	49.210.711.400	7.990.817.000	7.990.817.000
	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	1.206.767.000	1.206.767.000	1.931.050.850	1.971.102.850	1.246.819.000	1.246.819.000
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.578.225.953	1.578.225.953	4.196.070.178	3.864.326.946	1.246.482.721	1.246.482.721
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	918.719.844	918.719.844	350.548.444	912.019.187	1.480.190.587	1.480.190.587
	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	110.000.000	110.000.000	1.206.683.217	2.230.170.217	1.133.487.000	1.133.487.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Mẫu số B09a-HN

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

cho năm tài chính 2016

<b>b.</b>	<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>233.736.576.491</b>	<b>233.736.576.491</b>	<b>58.382.206.920</b>	<b>38.023.741.836</b>	<b>213.378.111.407</b>	<b>213.378.111.407</b>
	Công ty mẹ	82.226.225.294	82.226.225.294	28.000.000.000	8.067.774.706	62.294.000.000	62.294.000.000
	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	1.350.000.000	1.350.000.000	-	760.000.000	2.110.000.000	2.110.000.000
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	9.800.000.000	9.800.000.000	11.000.000.000	11.200.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	21.255.296.645	21.255.296.645	-	895.810.130	22.151.106.775	22.151.106.775
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	30.074.213.620	30.074.213.620	-	6.240.000.000	36.314.213.620	36.314.213.620
	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	31.580.000.000	31.580.000.000	1.800.000.000	8.600.000.000	38.380.000.000	38.380.000.000
	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	310.179.300	310.179.300	394.179.300	84.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	534.934.030	534.934.030	-	579.500.000	1.114.434.030	1.114.434.030
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	-
	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	56.205.727.602	56.205.727.602	16.788.027.620	1.596.657.000	41.014.356.982	41.014.356.982
	<b>Cộng</b>	<b>443.451.877.543</b>	<b>443.451.877.543</b>	<b>681.824.871.218</b>	<b>658.747.351.351</b>	<b>420.374.357.676</b>	<b>420.374.357.676</b>

**Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP**

Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HĐ15/2699 ngày 23/11/2015. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính 2016

Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HĐ15/2595 ngày 15/07/2015. Số tiền vay là 8.950.000.000 đồng. Lãi suất cho vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Tĩnh tại thời điểm rút vốn và cố định cho từng giấy nhận nợ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ thanh toán chi phí phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản. Kinh doanh Thạch cao; Giết mổ và kinh doanh gia súc gia cầm,...

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh số 16/2100/KHDN ngày 12/10/2016, hạn mức cho vay là 120.000.000.000 VNĐ, thời gian hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất cho vay xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất bên ngân hàng ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay vốn lưu động phục vụ khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, nuôi trồng chế biến nông sản và kinh doanh thương mại dịch vụ.

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco số 02/2016/HĐVV ngày 10/07/2016 số tiền 10.000.000.000 VNĐ, lãi suất 7%/năm, kì hạn 05 tháng, thời hạn hiệu lực từ 15/07/2016 đến 15/12/2016.

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn với Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng- Việt Lào số 03/2016/HĐVV ngày 03/08/2016 số tiền 30.000.000.000 VNĐ, lãi suất 5,5%/năm, kì hạn 09 tháng từ 03/08/2016 đến 03/05/2017.

Hợp đồng tín dụng vay vốn 01/2011/HĐTD-ĐP ngày 13/09/2011 số tiền 25.000.000.000 đồng. Lãi suất năm đầu là 0%, từ năm thứ 2 trở đi lãi vay cụ thể do Hội đồng quản lý quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh quy định. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích khoản vay là góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê theo công văn số 2874/QĐ-UBND Tỉnh ngày 31/08/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng tín dụng số 14/2655 ngày 17/11/2014. Số tiền vay 2.064.000.000 đồng, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + 3% tại thời điểm nhận nợ là 9%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh. Hình thức rút vốn bằng chuyển khoản.

Hợp đồng tín dụng số 14/2650/VCBHTi ngày 11/12/2014. Hạn mức tín dụng 48.840.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất theo lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng+ 3% năm. Lãi suất hiện tại là 9%/năm. Mục đích vay: thực hiện dự án nhà máy chế biến súc sản Mitraco.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

11-11-2016 15:15

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2016

**21. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>3.585.620.464</b>	<b>(40.728.290)</b>	<b>12.890.970.859</b>	<b>2.217.284.740</b>	<b>222.334.414.420</b>	<b>1.342.123.476.811</b>
- Tăng vốn trong năm trước	31.625.589.374	-	-	-	-	-	31.625.589.374
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	112.138.874.038	-	112.138.874.038
- Tăng khác	-	-	-	8.569.677.999	19.850.233	2.792.315.490	11.381.843.722
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(31.625.589.374)	-	-	-	(90.703.964.715)	-	(122.329.554.089)
							-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>3.585.620.464</b>	<b>(40.728.290)</b>	<b>21.460.648.858</b>	<b>23.672.044.296</b>	<b>225.126.729.910</b>	<b>1.374.940.229.856</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>3.585.620.464</b>	<b>(40.728.290)</b>	<b>21.460.648.858</b>	<b>23.672.044.296</b>	<b>225.126.729.910</b>	<b>1.374.940.229.856</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	25.890.650.728	25.890.650.728
- Tăng khác	-	501.469.501	-	2.767.220.691	-	9.332.007.336	12.600.697.528
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(3.281.599.093)	-	(3.281.599.093)
- Giảm khác	-	-	-	-	(15.817.103.411)	(47.833.977.572)	(63.651.080.983)
	-	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>4.087.089.965</b>	<b>(40.728.290)</b>	<b>24.227.869.549</b>	<b>4.573.341.792</b>	<b>212.515.410.402</b>	<b>1.346.498.898.036</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn góp của Nhà nước	97,37%	1.072.153.914.618	1.072.153.914.618
Cổ đông khác	2,63%	28.982.000.000	28.982.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.101.135.914.618</b>	<b>1.101.135.914.618</b>

<b>C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>21.600.000.000</b>

<b>D. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.113.591	110.113.591
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.073	4.073
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.073</i>	<i>4.073</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.109.519	110.109.519
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.109.519</i>	<i>110.109.519</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	

<b>E. Các quỹ doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Quỹ đầu tư phát triển	24.227.869.549	21.460.648.858

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)**

<b>1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.339.562.843.854	1.307.625.774.903
<b>Cộng</b>	<b>1.339.562.843.854</b>	<b>1.307.625.774.903</b>

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hàng bán bị trả lại và Chiết khấu thương mại	5.080.988.478	2.921.285.234
<b>Cộng</b>	<b>5.080.988.478</b>	<b>2.921.285.234</b>

<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	1.334.481.855.376	1.304.704.489.669

<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.204.132.915.501	1.108.854.991.494
<b>Cộng</b>	<b>1.204.132.915.501</b>	<b>1.108.854.991.494</b>

<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	9.039.294.261	85.392.554.480

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

Lãi chênh lệch tỷ giá	1.145.698.268	4.262.469.722
<b>Cộng</b>	<b>10.184.992.529</b>	<b>89.655.024.202</b>
<b>6. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	32.001.289.061	28.812.861.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá	569.177.327	47.235.771
Chi phí tài chính khác	5.776.988.341	12.434.923.340
<b>Cộng</b>	<b>38.347.454.729</b>	<b>41.295.020.507</b>
<b>7. Chi phí quản lý bán hàng</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	11.575.122.433	11.231.563.158
Chi phí vật liệu, bao bì	1.685.432.726	1.947.273.879
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.409.515.569	1.276.802.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.019.112.134	4.965.668.101
Chi phí Quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, thường khác	1.673.988.213	1.179.945.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.370.245.834	8.519.949.889
Chi phí bằng tiền khác	26.364.821.573	32.069.713.135
<b>Cộng</b>	<b>54.098.238.482</b>	<b>61.190.916.274</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	30.455.280.446	35.805.045.050
Chi phí vật liệu quản lý	552.471.883	652.181.049
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.175.461.051	1.697.658.728
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.744.322.476	6.239.591.744
Thuế, phí và lệ phí	1.156.595.157	917.640.611
Chi phí dự phòng	7.793.288.055	897.674.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.107.587.751	6.639.614.365
Chi phí bằng tiền khác	22.441.438.110	29.576.290.998
<b>Cộng</b>	<b>78.426.444.929</b>	<b>82.425.696.563</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Được thưởng, bồi thường	824.860.575	-
Thu hỗ trợ đầu tư liên kết	454.909.088	-
Cho thuê văn phòng	561.814.537	-
Thu tiền điện	6.652.546.454	-
Thu thanh lý TSCĐ	7.379.090.909	-
Thu nhập khác	62.383.610.739	64.742.278.971
<b>Cộng</b>	<b>78.256.832.302</b>	<b>64.742.278.971</b>
<b>10. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí bồi thường, chịu phạt	71.206.573	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN  
cho năm tài chính 2016

Chi thanh lý TSCĐ	5.690.674.460	-
Chi phí đất cho thuê	285.247.898	-
Chi phí khác	2.098.496.240	5.230.953.361
<b>Cộng</b>	<b>8.145.625.171</b>	<b>5.230.953.361</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	507.450.567	1.314.562.240
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	1.466.957.908	1.666.819.784
Công ty TNHH Việt Lào	2.575.080.260	4.903.238.708
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	319.928.926
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	2.784.533.143	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	821.314.236	523.147.197
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	9.509.535.924	21.776.836.968
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	-	(52.419.445)
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>17.664.872.038</b>	<b>30.452.114.378</b>
<b>12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>22.609.051.635</b>	<b>129.652.100.265</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.609.051.635	129.652.100.265
Cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu năm	110.109.519	110.109.519
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	110.109.519	110.109.519
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>205</b>	<b>792</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn cổ phần trừ (-) cổ phiếu quỹ.

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	76.627.547.188	76.627.547.188
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	187.363.856.835	169.029.221.992

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1.2 Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2016

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn	443.451.877.543
Phải trả người bán	98.753.557.665

**1.3 Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	98.753.557.665	-	98.753.557.665
Vay và nợ ngắn hạn	209.715.301.052	-	209.715.301.052
Vay và nợ dài hạn	-	233.736.576.491	233.736.576.491

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

**3. Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	67,34%	60,62%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	32,66%	39,38%
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	32,52%	32,25%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	67,48%	67,75%
<b>2 Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,08	3,10
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,58	1,81
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,81	1,11
<b>3 Tỷ suất sinh lời</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	2,98%	12,27%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	1,69%	9,94%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	1,85%	7,13%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	1,05%	5,77%

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Minh

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Huy Hùng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 039 855 603 Fax: 039 855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2016

**Phụ lục 01: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	545.406.323.100	351.347.823.100	194.058.500.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	8.015.527.899	4.087.089.964	3.928.437.935
3	Cổ phiếu quỹ	(61.529.958)	(40.728.290)	(20.801.668)
4	Quỹ đầu tư phát triển	45.226.008.639	24.227.869.549	20.998.139.090
5	Lợi nhuận chưa phân phối	(52.384.572.883)	(45.935.707.928)	(6.448.864.955)
	<b>Cộng</b>	<b>546.201.756.797</b>	<b>333.686.346.395</b>	<b>212.515.410.402</b>

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)*